

CUTTING DOCKET	Mã số	MER.QT-1.BM.4
	Lần ban hành	
	Số trang	

CD NUMBER	CD-241016-019	
JOB NUMBER	H06 SS25 S2604	
CUSTOMER	C0027 - HERSCHEL	
SEASON	SS25	
CUSTOMER ORDER#	HERSCHEL_SS25_S4_SAMPLE_SMS+SIZESSET	
UA ORDER#	C0027-SS25-240902-001	
SKU# (INTERNAL)	C0027-HOD065	
STYLE NAME	Classic Hoodie Women's	
COLOR	BITTER CHOCOLATE	
PRODUCT TYPE	HOODIE	
CD CREATED DATE	16/OCT/2024	
CONTACT TO	LÀI/ TIÊN - 204	

PART A: ORDER QUANTITY

Size	Total	4XS	3XS	2XS	XS	S	M	L	XL	2XL	3XL	4XL	5XL
Quantity	6					6							
Extra	2					2							
% Extra						33%							
Total	8					8							

REMARK:	- TÁC NGHIỆP MAY MẪU SMS: THAM KHẢO CÁCH MAY THEO ÁO MẪU CHUYỂN KÈM TÁC NGHIỆP- LƯU Ý:+ MẬT ĐỘ MŨI CHỈ (SPI) = 13 MŨI TRÊN 1 INCH+ ỦI TRÁNH CẦN BÓNG+ NHẤN CỔ Ở VỊ TRÍ CHÍNH GIỮA CỔ (TRÁNH MAY LỆCH SANG MỘT BÊN)	SMS SAMPLE APPROVED DATE: 17/OCT/2024
---------	---	---

PART B: FABRIC

#	Sub	Cutting Width	Lot	Roll	Shadeband	Fabric Color	Unit	Order Qty	Rating	NET (M)	Defect %	Defect (*)	PRT (*)	OS (*)	Gross (M) (*)	Remark
MAIN - 1-0101A02-S0004 - FLEECE_100% COTTON_SOLID_350_S0004 - SUPPLIER																
1	☐	170			A2	BITTLE CHOCOLATE	M	8	1.7	13.6	7.35	1	0	0	14.6	
RIB - 1-3904A14-S0004 - RIB 2X2_95% COTTON 5% SPANDEX_SOLID_400_S0004 - SUPPLIER																
1	☐	130				BITTLE CHOCOLATE	M	8	0.33	2.64	37.88	1	0	0	3.64	

PART C: SEWING TRIM

#	Sub	Trim Code	Trim Name	Trim Detail	Unit	Fabric Color	Trim Color	Pantone	Size	Qty	Rating	Net (M)	Tol (%)	Gross (M)	Remark
1	☐	2- 1548A013- S0064	HERSCHEL APPAREL WOVEN MAIN + SIZE LABEL CODE HSC-ML- 0075(WOMENS)	LABEL MAIN + SIZE LABEL SATIN 30.00x90.00 CM	PCS		BLACK/ WHITE	BLACK/ WHITE	S	8	1	8	1%	9	
2	☐	2- 2604A002- S0029	THREAD 40/2	THREAD 40/2 POLYESTER 5000.00 M	CONE		BITTLE CHOCOLATE	BITTLE CHOCOLATE		8	0.042		1%	1	
3	☐	2- 1510A055- S0063	NHÃN THÀNH PHẦN 3 LÃ #CC- 054	LABEL CARE LABEL SATIN 20.00x80.00 CM	PCS		WHITE/ BLACK	WHITE/ BLACK		8	1	8	1%	9	
4	☐	2- 2439A009- S0010	100% COTTON HERRINGBONE TAPE	TAPE HERRING BONE TAPE 100% COTTON 10.00 MM	M		BITTLE CHOCOLATE	BITTLE CHOCOLATE		8	0.35	3	1%	3	
5	☐	2- 1549A071- S0046	CLASSIC WOVEN LABEL	LABEL MAIN LABEL WOVEN 5.00x3.00 CM	PCS		WHITE/ BLACK	WHITE/ BLACK		8	1	8	1%	9	
6	☐	2- 1566A002- S0064	HSCO SATIN LABEL	LABEL SATIN JACQUARD LABEL SATIN 30.00x80.00 MM	PCS		WHITE/ BLACK	WHITE/ BLACK		8	1	8	1%	9	

PART D: PACKING TRIM

#	Sub	Trim Code	Trim Name	Trim Detail	Unit	Fabric Color	Trim Color	Pantone	Size	Qty	Rating	Net (M)	Tol (%)	Gross (M)	Remark
1	☐	2-1032A050-S0065	THẺ BÀI BẰNG GIẤY + DÂY TREO + SIZE STICKER - HSC-AP-0194	HANGTAG HANGTAG PAPER 1.75x3.85 INCH	PCS		WHITE/ BLACK	WHITE/ BLACK	S	8	1	8	1%	9	
2	☐	2-2205A014-S0064	UPC STCIKER FOR HANGTAG, POLY BAG, CARTON	STICKER BARCODE STICKER PAPER 34.00x24.00 MM	PCS		NỀN TRẮNG CHỮ ĐEN	NỀN TRẮNG CHỮ ĐEN	S	8	2	16	1%	17	
3	☐	2-1858A017-S0065	POLYBAG CODE HSC- MIS-0350	POLYBAG POLYBAG BIODEGRADABLE 39.00x40.00 CM	PCS		CLEAR	CLEAR		8	0.1	1	1%	1	
4	☐	2-1806A001-S0045	BIG POLYBAG	POLYBAG BIG POLYBAG POLYESTER 100.00x120.00 MM	PCS		CLEAR	CLEAR		8	1	8	1%	9	
5	☐	2-2166A002-S0064	SILICAGEL	SILICAGEL SILICAGEL DIOXIT SILIC	PCS		CLEAR	CLEAR		8	2	16	1%	17	
6	☐	2-2873A003-S0064	TISSUE PAPER	TISSUE PAPER TISSUE PAPER PAPER 35.00x95.00 CM	PCS		WHITE	WHITE		8	1	8	1%	9	
7	☐	2-0583A001-S0023	CARTON 7 LỚP	CARTON CARTON_7 LAYERS PAPER 60.00x40.00x30.00 CM	PCS		NATURAL	NATURAL		8	0.1	1	1%	1	
8	☐	2-0512A001-S0023	CARTON PAD	CARTON CARTON PAD PAPER 58.00x38.00 CM	PCS		NATURAL	NATURAL		8	0.2	2	1%	2	
9	☐	2-2213A012-S0064	STICKER DÁN THÙNG	STICKER CARTON STICKER PAPER 14.00x28.00 CM	PCS		WHITE/ BLACK	WHITE/ BLACK		8	1	8	1%	9	

PART E: CUTTING PANEL

PART F: TREATMENTS

NONE TREATMENT

PART G: NOTE

#	Note Category	Description
---	---------------	-------------

FABRIC CARD

#	LOẠI VẢI	TÊN VẢI	MẪU VẬT LÝ	SỐ PO	REMARK
1	MAIN	1-0101A02-S0004 FLEECE_100% COTTON_SOLID_350_S0004 BITTLE CHOCOLATE		VẢI CHÍNH - TOÀN BỘ ÁO	
2	RIB	1-3904A14-S0004 RIB 2X2_95% COTTON 5% SPANDEX_SOLID_400_S0004 BITTLE CHOCOLATE		BO LẠI, BO TAY	

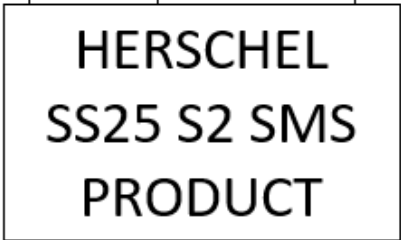
TRIM CARD - SEWING TRIM

#	LOẠI TRIM	THÀNH PHẦN - KÍCH THƯỚC - MÀU	MẪU VẬT LÝ	QUY CÁCH GẮN	REMARK
1	LABEL	2-1548A013-S0064 MAIN + SIZE LABEL SATIN 30.00x90.00 CM		NHÃN CHÍNH - NỀN ĐEN CHỮ TRẮNG - NHÃN GẤP ĐÔI GẮN Ở BÊN TRONG, GIỮA CÔ NGƯỜI MẶC. MẶT CÓ SIZE HƯỚNG LÊN	
2	THREAD	2-2604A002-S0029 40/2 POLYESTER 5000.00 M		CHỈ 40/2: MAY CHÍNH + VẶT SỎ	
3	LABEL	2-1510A055-S0063 CARE LABEL SATIN 20.00x80.00 CM	1. 洗濯の際は、手洗いしてください。 2. 漂白剤は使用しないでください。 3. 乾燥機は使用しないでください。 4. 熨斗は使用しないでください。 5. 鉄製の洗濯物は、他の洗濯物と一緒に洗わないでください。 6. 洗濯後は、すぐに干してください。 7. 洗濯後は、すぐにアイロンをかける必要があります。 8. 洗濯後は、すぐにアイロンをかける必要があります。 9. 洗濯後は、すぐにアイロンをかける必要があります。 10. 洗濯後は、すぐにアイロンをかける必要があります。 1. 洗濯の際は、手洗いしてください。 2. 漂白剤は使用しないでください。 3. 乾燥機は使用しないでください。 4. 熨斗は使用しないでください。 5. 鉄製の洗濯物は、他の洗濯物と一緒に洗わないでください。 6. 洗濯後は、すぐに干してください。 7. 洗濯後は、すぐにアイロンをかける必要があります。 8. 洗濯後は、すぐにアイロンをかける必要があります。 9. 洗濯後は、すぐにアイロンをかける必要があります。 10. 洗濯後は、すぐにアイロンをかける必要があります。 1. 洗濯の際は、手洗いしてください。 2. 漂白剤は使用しないでください。 3. 乾燥機は使用しないでください。 4. 熨斗は使用しないでください。 5. 鉄製の洗濯物は、他の洗濯物と一緒に洗わないでください。 6. 洗濯後は、すぐに干してください。 7. 洗濯後は、すぐにアイロンをかける必要があります。 8. 洗濯後は、すぐにアイロンをかける必要があります。 9. 洗濯後は、すぐにアイロンをかける必要があります。 10. 洗濯後は、すぐにアイロンをかける必要があります。 1. 洗濯の際は、手洗いしてください。 2. 漂白剤は使用しないでください。 3. 乾燥機は使用しないでください。 4. 熨斗は使用しないでください。 5. 鉄製の洗濯物は、他の洗濯物と一緒に洗わないでください。 6. 洗濯後は、すぐに干してください。 7. 洗濯後は、すぐにアイロンをかける必要があります。 8. 洗濯後は、すぐにアイロンをかける必要があります。 9. 洗濯後は、すぐにアイロンをかける必要があります。 10. 洗濯後は、すぐにアイロンをかける必要があります。 <td>NHÃN THÀNH PHẦN C054 - GẮN TẠI BÊN TRONG SƯỜN TRÁI (THÂN SAU) VỊ TRÍ: TỪ LẠI LÊN 5" 1 BỘ GỒM 3 CÁI</td> <td></td>	NHÃN THÀNH PHẦN C054 - GẮN TẠI BÊN TRONG SƯỜN TRÁI (THÂN SAU) VỊ TRÍ: TỪ LẠI LÊN 5" 1 BỘ GỒM 3 CÁI	

4	TAPE	2-2439A009-S0010 HERRING BONE TAPE 100% COTTON 10.00 MM		DÂY TAPE XƯƠNG CÁ - VÒNG CỔ	
5	LABEL	2-1549A071-S0046 MAIN LABEL WOVEN 5.00x3.00 CM		NHÃN TRANG TRÍ - GẮN TẠI GÓC TRÁI TÚI THÂN TRƯỚC CÁCH CẠNH TÚI 4CM, CÁCH TRA BO 3CM	
6	LABEL	2-1566A002-S0064 SATIN JACQUARD LABEL SATIN 30.00x80.00 MM		NHÃN SATIN - NHÃN GẤP ĐÔI GẮN TẠI BÊN TRONG SƯỜN TRÁI, SÁT CẠNH TRÊN CỦA NHÃN THÀNH PHẦN	

TRIM CARD - PACKING TRIM

#	LOẠI TRIM	THÀNH PHẦN - KÍCH THƯỚC - MÀU	MẪU VẬT LÝ	QUY CÁCH GẮN	REMARK
1	HANGTAG	2-1032A050-S0065 HANGTAG PAPER 1.75x3.85 INCH		THẺ BÀI	
2	STICKER	2-2205A014-S0064 BARCODE STICKER PAPER 34.00x24.00 MM		STICKER DÁN THẺ BÀI + POLYBAG	
3	POLYBAG	2-1858A017-S0065 POLYBAG BIODEGRADABLE 39.00x40.00 CM		BAO POLYBAG NHỎ - ĐỰNG RIÊNG TỪNG ÁO	
4	POLYBAG	2-1806A001-S0045 BIG POLYBAG POLYESTER 100.00x120.00 MM		BAO POLYBAG LỚN	

5	SILICAGEL	2-2166A002-S0064 SILICAGEL DIOXIT SILIC		GÓI CHỐNG ẨM	
6	TISSUE PAPER	2-2873A003-S0064 TISSUE PAPER PAPER 35.00x95.00 CM		GIẤY CHỐNG ẨM	
7	CARTON	2-0583A001-S0023 CARTON_7 LAYERS PAPER 60.00x40.00x30.00 CM		THÙNG	
8	CARTON	2-0512A001-S0023 CARTON PAD PAPER 58.00x38.00 CM		TÁM LÓT THÙNG	
9	STICKER	2-2213A012-S0064 CARTON STICKER PAPER 14.00x28.00 CM		STICKER DÁN 2 MẶT THÙNG	